

CÔNG TY TNHH THÉP BẮC VIỆT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	05 - 06
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÀN HỢP NHẤT	07 - 08
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	09
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 24

CÔNG TY TNHH THÉP BẮC VIỆT

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính hợp nhất
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty TNHH Thép Bắc Việt trình bày Báo cáo của Ban Giám đốc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008.

Khái quát chung về Công ty

Công ty TNHH Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000 (thay đổi lần 8 ngày 30/12/2005).

Vốn Điều lệ của Công ty là : **19.000.000.000 VND**, (Bằng chữ: Mười chín tỷ đồng)/.

Khái quát chung về các Công ty con của Công ty:

1.	Công ty TNHH Kết cấu Thép Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 210400007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 22/12/2005.
2.	Công ty TNHH MTV nội thất Bắc Việt	Thành lập theo Quyết định số 10/2007/QĐTV-BVS của Hội đồng thành viên ngày 20/11/2007 với tư cách là một đơn vị phụ thuộc Công ty.
3.	Công ty Cổ phần công nghiệp Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0803000490 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Bình cấp ngày 31/01/2008.
4.	Công ty CP giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103022288 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 30/01/2008.

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ);
 - Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
 - Môi giới thương mại;
 - Sản xuất, gia công sắt, thép, kim khí, vật liệu xây dựng;
 - Buôn bán hàng nông lâm, thủy hải sản;
 - Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
 - Cán và kẹp thép, dây sắt;
 - Tôi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép;
 - Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, cột điện, xà, thanh giằng, ống thép, xà gỗ thép, tấm lợp kim loại);
 - Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản;
 - Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
 - Dịch vụ xếp dỡ vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải;
 - Dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, bảo quản hàng hoá, cân điện tử.
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)***Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Trần Anh Vương

Chủ tịch

Ông Vũ Hữu Trí

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Anh Vương

Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Bảo

Phó Giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103025395 ngày 20 tháng 06 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp và theo Quyết định số 04/2008/QĐTV - BVS ngày 19/05/2008 của Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty TNHH Thép Bắc Việt thì từ ngày 01 tháng 07 năm 2008 Công ty chuyển đổi hình thức sở hữu từ Công ty TNHH sang Công ty Cổ phần. Do có sự thay đổi nêu trên nên toàn bộ Báo cáo tài chính hợp nhất này sẽ được đóng dấu của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2008 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY TNHH THÉP BẮC VIỆT



Trần Anh Vương

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2009

Số *519* 09/BCHN-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày *29* tháng 06 năm 2009

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2008
của Công ty TNHH Thép Bắc Việt

Kính gửi: Hội đồng thành viên và Ban giám đốc
Công ty TNHH Thép Bắc Việt

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2008, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 được lập ngày 05 tháng 03 năm 2009 của Công ty TNHH Thép Bắc Việt (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 07 đến trang 24 kèm theo. Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh Phần IV của Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo quy định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc Công ty TNHH Thép Bắc Việt.

Cơ sở ý kiến:

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Công việc kiểm toán bao gồm kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu các ghi chép kế toán, những bằng chứng liên quan đến các số liệu và thông tin được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời đánh giá các ước tính kế toán, những kế hoạch và quyết định trọng yếu của Ban Giám đốc trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, và xem xét các chính sách kế toán có được áp dụng nhất quán, trình bày đầy đủ và phù hợp với điều kiện của Công ty hay không.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được các thông tin và sự giải trình mà chúng tôi thấy cần thiết, qua đó cung cấp các bằng chứng xác thực cho chúng tôi để có được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Để đưa ra ý kiến, chúng tôi cũng đã đánh giá tổng quát tính đúng đắn của việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng, công việc kiểm toán đã cung cấp một cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Giới hạn kiểm toán

- Do việc bổ nhiệm kiểm toán viên diễn ra sau thời điểm 30/06/2008, nên chúng tôi không thể tham gia chứng kiến công việc kiểm kê tiền mặt, hàng hóa tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm nêu trên. Với những tài liệu hiện có ở Công ty, chúng tôi không thể kiểm tra tính đúng đắn của tiền mặt, hàng tồn kho và tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/06/2008 bằng các thủ tục kiểm toán khác;
- Đơn vị ghi nhận chi phí lãi vay theo số tiền chi trả, theo ước tính của kiểm toán viên số tiền lãi vay trong kỳ đơn vị chưa ghi nhận khoảng 200.000.000 đồng. Bất cứ sự điều chỉnh nào liên quan đến khoản mục nêu trên cũng ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008;

- Báo cáo tài chính tại Công ty TNHH Một thành viên nội thất Bắc Việt, Công ty Cổ phần giao nhận vận chuyển Bắc Việt, Công ty Cổ phần công nghiệp Bắc Việt cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 do các đơn vị lập và chưa được kiểm toán.

Ý kiến của kiểm toán viên:

Theo ý kiến chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các giới hạn kiểm toán nêu trên (nếu có), xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty TNHH Thép Bắc Việt cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008:

- Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 30/06/2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008; và
- Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kiểm toán được lập thành mười (10) bản bằng tiếng Việt và năm (05) bản bằng tiếng Anh. Công ty TNHH Thép Bắc Việt giữ 09 bản bằng tiếng Việt và 04 bản bằng tiếng Anh, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản bằng tiếng Việt và 01 bản bằng tiếng Anh. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1107/KTV



BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2008

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2008	01/01/2008
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		229.433.597.354	158.035.219.430
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		30.947.990.387	22.364.207.586
1 Tiền	111	V.1.	30.947.990.387	22.364.207.586
II Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.454.636.982	69.444.227.884
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.1.1	27.390.032.611	56.338.849.559
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.1.2	1.480.465.887	14.002.221.126
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	192.236.044	19.074.759
6 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(608.097.560)	(915.917.560)
IV Hàng tồn kho	140		165.972.756.667	63.702.307.410
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	165.972.756.667	63.702.307.410
V Tài sản ngắn hạn khác	150		4.058.213.318	2.524.476.550
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		159.817.527	-
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.459.635.056	-
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	593.534.835	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.1.3	1.845.225.900	2.524.476.550
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+269)	200		38.426.144.236	36.153.415.481
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		37.796.867.644	36.059.909.228
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.6.	35.838.333.879	34.302.072.744
- Nguyên giá	222		49.008.230.397	44.120.928.507
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.169.896.518)	(9.818.855.763)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224		237.822.672	342.100.008
- Nguyên giá	225		1.252.797.381	1.252.797.381
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(1.014.974.709)	(910.697.373)
3 Tài sản cố định vô hình	227	V.7.	1.630.214.092	1.414.653.575
- Nguyên giá	228		1.689.729.470	1.513.889.470
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.515.378)	(99.235.895)
4 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9.	90.497.001	1.082.901
III Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		551.268.259	-
1 Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VIII.1.5	487.125.804	-
3 Đầu tư dài hạn khác	258	V.10.	64.142.455	-
V Tài sản dài hạn khác	260		78.008.333	93.506.253
1 Chi phí trả trước dài hạn	261		78.008.333	93.506.253
2 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
VI LỢI THẾ THƯƠNG MẠI	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		267.859.741.590	194.188.634.911

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2008	01/01/2008
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		214.401.184.881	140.894.002.326
I Nợ ngắn hạn	310		202.225.783.531	129.342.410.976
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	121.102.933.224	100.978.512.740
2 Phải trả người bán	312	VIII.1.6	56.728.402.210	9.428.375.713
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.1.7	20.858.794.951	17.540.029.711
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	2.880.526.569	1.063.315.671
5 Phải trả người lao động	315		18.321.709	-
6 Chi phí phải trả	316		11.774.495	176.178.501
7 Phải trả nội bộ	317		-	-
8 Phải trả theo tiến độ kế hoạch HDXD	318		-	-
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	625.030.373	155.998.640
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
II Nợ dài hạn	330		12.175.401.350	11.551.591.350
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	12.175.401.350	11.551.591.350
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		51.458.732.289	53.294.632.585
I Vốn chủ sở hữu	410	V.15.	51.941.374.804	53.294.632.585
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		45.990.000.000	38.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3 Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.951.374.804	15.294.632.585
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(482.642.515)	-
1 Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431		(482.642.515)	-
3 Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
C LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439		1.999.824.420	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400+439)	440		267.859.741.590	194.188.634.911

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2009

CÔNG TY TNHH THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng





Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng


Trần Anh Vương


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
 từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

Đơn vị tính: VND
 từ 01/01/2008 đến
 30/06/2008

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.16.	231.493.409.769
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.17.	9.463.948
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.18.	231.483.945.821
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.19.	205.398.879.141
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		26.085.066.680
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.20.	437.232.635
7 Chi phí tài chính	22	VI.21.	8.278.702.187
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		8.278.702.187
8 Chi phí bán hàng	24	VIII.1.8	484.532.120
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.1.9	9.134.370.600
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		8.624.694.408
11 Thu nhập khác	31	VIII.1.10	152.064.380
12 Chi phí khác	32	VIII.1.11	110.797.033
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		41.267.347
14 Lãi hoặc (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	45		(5.331.196)
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40+45)	50		8.660.630.559
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.881.716.710
17 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.778.913.849
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		39.824.420
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		5.739.089.429
19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2009
CÔNG TY TNHH THÉP BẮC VIỆT

Người lập

 Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng

 Tạ Thu Hằng

Giám đốc

 Trần Anh Vương



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

Đơn vị tính: VND

từ 01/01/2008 đến

30/06/2008

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh		
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	294.239.180.786
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	2	(284.522.516.853)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(5.075.184.561)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(8.252.128.562)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(682.767.116)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	11.177.122.052
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(9.256.923.159)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(2.373.217.413)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư		
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.291.812.022)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	81.404.738
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(5.582.017.855)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	397.942.280
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(9.394.482.859)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính		
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	14.950.849.400
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	158.496.341.385
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(137.751.003.947)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(15.344.703.765)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	20.351.483.073
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50	8.583.782.801
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	22.364.207.586
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	30.947.990.387

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2009

CÔNG TY TNHH THÉP BẮC VIỆT

Người lập

Kế toán trưởng




Nguyễn Thị Thông

Tạ Thu Hằng



Trần Anh Vương

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty TNHH Thép Bắc Việt (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty TNHH được thành lập và hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102000145 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 06/03/2000 (thay đổi lần 8 ngày 30/12/2005).

Vốn điều lệ của Công ty là: **19.000.000.000 VND** (Bằng chữ: Mười chín tỷ đồng)./.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Buôn bán tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng (chủ yếu là máy móc thiết bị, sắt thép, kim khí vật liệu xây dựng, hàng thủ công mỹ nghệ);
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hoá;
- Môi giới thương mại;
- Sản xuất, gia công sắt, thép, kim khí, vật liệu xây dựng;
- Buôn bán hàng nông lâm, thủy hải sản;
- Sản xuất gia công phụ tùng xe đạp, xe gắn máy 2 bánh, 3 bánh;
- Cán và kẹp thép, dây sắt;
- Tỏi thép, mạ kim loại, xử lý và tráng phủ kim loại; Sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép;
- Sản xuất các cấu kiện thép cho xây dựng (dầm cầu thép, cột điện, xà, thanh giằng, ống thép, xà gỗ thép, tấm lợp kim loại);
- Sản xuất các loại máy móc thông dụng phục vụ cho cơ khí, chế tạo, chế biến nông lâm thủy sản;
- Xây dựng công trình công nghiệp và dân dụng;
- Dịch vụ xếp dỡ vận chuyển hàng hoá nội địa bằng ô tô tải;
- Dịch vụ cho thuê kho bãi, nhà xưởng, bảo quản hàng hoá, cân điện tử.
- (Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)./.

Địa chỉ: Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội
Tel: 04 3655 9257 Fax: 04 3873 3648

4. Danh sách các công ty con được hợp nhất của Công ty

- Số lượng công ty con: 4 công ty
- Số lượng công ty con được hợp nhất: 4 công ty

1.	Công ty TNHH Kết Cấu Thép Bắc Việt	Địa chỉ: xã Phương Liều, huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%
2.	Công ty TNHH MTV nội thất Bắc Việt	Địa chỉ: Lô 8+9 B1.5 Phan Đăng Lưu, Cẩm Lệ, Đà Nẵng Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

3.	Công ty Cổ phần công nghiệp Bắc Việt	Địa chỉ: Tô Hiệu, Đông Quang, Đông Hưng, Thái Bình Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%
4.	Công ty CP giao nhận vận chuyển Bắc Việt	Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 51% Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 51%

5. Danh sách các Công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt

Địa chỉ: Số 109/53 Đức Giang, Long Biên, Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích: 35%

Quyền biểu quyết: 35%

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Riêng kỳ kế toán từ ngày 01/01/2008 đến 30/06/2008 là kỳ hoạt động cuối cùng Công ty hoạt động dưới hình thức Công ty TNHH.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy vi tính. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính hợp nhất, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất****Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Thép Bắc Việt được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp từ 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 31/12/2008. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với các công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất báo cáo tài chính nhưng chưa triệt để.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm: giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Các công ty liên kết

Các công ty liên kết là các đơn vị mà Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh, tài sản và công nợ của các Công ty liên kết được hợp nhất trong Báo cáo tài chính sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Công ty tại Công ty liên kết đó không được ghi nhận.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch. Công ty hạch toán các khoản tiền có gốc ngoại tệ theo tỷ giá hạch toán từng quý.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho* : Phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho*:

Tại thời điểm 30/06/2008, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**4.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Quyết định số 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Nhà cửa vật kiến trúc

6

Máy móc, thiết bị

5-6

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

6-7

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3-5

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm Quyền sử dụng đất có thời hạn 45 năm, phần mềm kế toán Misa và phần mềm quản lý Easy và tài sản cố định vô hình khác.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Quyết định 206/2003/QĐ-BTC ngày 12/12/2003.

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**từ 01/01/2008 đến 30/06/2008****(tiếp theo)**

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Quyền sử dụng đất

45

Phần mềm máy vi tính

4

TSCĐ vô hình khác

5

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm đầu tư vào Công ty liên kết là Công ty CP Xây dựng và Phát triển đô thị Bắc Việt được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu và đầu tư dài hạn vào Công ty TNHH Công nghệ Bắc Việt được ghi nhận theo phương pháp giá gốc kể từ ngày bắt đầu góp vốn đầu tư.

Tại thời điểm 31/12/2008 Công ty không trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư tài chính dài hạn.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê;

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí lãi vay đối với các hợp đồng vay quy định trả lãi vay sau. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, khế ước vay và thời gian vay thực tế.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm thép, sà gồ, kết cấu thép, gia công kết cấu thép, cắt thép và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi, lãi cho vay, được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu từ việc thu cổ tức được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

13. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**13.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả**

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

13.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hay bất kỳ mục đích nào được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

13.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

13.4 Các nghĩa vụ về thuế***Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)***

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 5% đối với sản phẩm thép và gia công thép, 10% đối với hoạt động lắp đặt và các mặt hàng khác.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 28% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế Thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

13.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Tiền mặt tại quỹ	4.081.265.377	6.021.970.650
Tiền gửi ngân hàng	26.866.725.010	16.342.236.936
Cộng	30.947.990.387	22.364.207.586
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Phải thu khác	192.236.044	19.074.759
Cộng	192.236.044	19.074.759

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

3.	Hàng tồn kho	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
	Hàng mua đang đi trên đường	-	4.010.442.026
	Nguyên liệu, vật liệu	1.102.894.136	661.370.088
	Công cụ, dụng cụ	29.959.955	255.138.357
	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.074.008.062	14.155.468.139
	Thành phẩm	8.395.055.022	2.162.993.938
	Hàng hoá	132.370.839.492	42.456.894.862
	Cộng giá gốc hàng tồn kho	165.972.756.667	63.702.307.410
4.	Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
	Thuế xuất nhập khẩu	584.141.087	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	9.393.748	-
	Cộng	593.534.835	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2008 VND	01/01/2008 VND
	Tạm ứng	1.845.225.900	2.524.476.550
	Tạ Anh Tuấn	170.743.400	-
	Trần Anh Vương	-	1.670.500.000
	Vũ Hữu Trí	948.480.000	610.425.000
	Các đối tượng khác	726.002.500	243.551.550
	Cộng	1.845.225.900	2.524.476.550

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ ĐIỆN

Số 53 Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội

Tel: (84 - 04) 3655 9257 Fax: (84 - 04) 3873 3648

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

Mẫu số B09 - DN/HN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

6. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá	Số dư ngày 01/01/2008	14.798.308.393	20.035.795.873	7.766.815.108	1.040.009.133	480.000.000	44.120.928.507
	Mua trong năm	-	72.221.876	3.894.383.730	294.546.362	-	4.261.151.968
	Dầu tư XDCB hoàn thành	161.404.493	-	-	-	-	161.404.493
	Tăng khác	203.723.524	-	-	-	356.260.000	559.983.524
	Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	(95.238.095)	-	-	-	(95.238.095)
	Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	Số dư ngày 30/06/2008	15.163.436.410	20.012.779.654	11.661.198.838	1.334.555.495	836.260.000	49.008.230.397
	Số dư ngày 01/01/2008	2.554.227.711	5.385.252.902	1.352.292.979	442.829.385	84.252.786	9.818.855.763
	Khấu hao trong năm	1.147.447.848	1.351.876.913	577.604.045	142.929.863	57.186.946	3.277.045.615
	Tăng khác	305.409.286	44.048.329	15.323.119	-	-	364.780.734
	Chuyển sang BĐS đầu tư	-	-	-	-	-	-
	Thanh lý, nhượng bán	-	(95.238.095)	-	-	-	(95.238.095)
	Giảm khác	-	(81.173.606)	-	-	(114.373.893)	(195.547.499)
Giá trị còn lại	Số dư ngày 30/06/2008	4.007.084.845	6.604.766.443	1.945.220.143	585.759.248	27.065.839	13.169.896.518
	Tại ngày 01/01/2008	12.244.080.682	14.650.542.971	6.414.522.129	597.179.748	395.747.214	34.302.072.744
	Tại ngày 30/06/2008	11.156.351.565	13.408.013.211	9.715.978.695	748.796.247	809.194.161	35.838.333.879

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 19.237.957.547 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.863.944.230 VND

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

7. Tài sản cố định thuê tài chính

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND	
	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2008	1.252.797.381	1.252.797.381
Mua trong năm	-	-
Tăng khác	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 30/06/2008	1.252.797.381	1.252.797.381
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2008	910.697.373	910.697.373
Khấu hao trong năm	104.277.336	104.277.336
Tăng khác	-	-
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 30/06/2008	1.014.974.709	1.014.974.709
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2008	342.100.008	342.100.008
Tại ngày 30/06/2008	237.822.672	237.822.672

8. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm tin học	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2008	1.136.989.470	36.900.000	1.173.889.470
Mua trong năm	-	515.840.000	515.840.000
Tăng khác	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2008	1.136.989.470	552.740.000	1.689.729.470
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2008	23.160.896	25.074.996	48.235.892
Khấu hao trong năm	-	11.279.486	11.279.486
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2008	23.160.896	36.354.482	59.515.378
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2008	1.113.828.574	11.825.004	1.125.653.578
Tại ngày 30/06/2008	1.113.828.574	516.385.518	1.630.214.092

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Dự án Logictis Bắc Ninh	58.777.800	-
Thiết bị công trình dở dang	1.082.901	1.082.901
Công trình khác	30.636.300	-
Cộng	90.497.001	1.082.901
10. Đầu tư dài hạn khác	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Công ty TNHH Công nghệ Bắc Việt	64.142.455	-
Cộng	64.142.455	-
11. Vay và nợ ngắn hạn	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay ngắn hạn	121.077.247.724	100.863.088.740
Ngân hàng CPTM Quốc tế Chi nhánh Hai Bà Trưng	4.150.000.000	28.135.044.000
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	27.215.700.000	32.406.412.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	-	920.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng hải	14.151.691.800	19.456.276.000
Ngân hàng Techcombank Chi nhánh Bắc Ninh	38.846.647.600	-
Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex	15.456.112.000	-
PhạmCương	1.200.000.000	-
Các đối tượng khác	20.057.096.324	19.945.356.740
Nợ dài hạn hạn đến hạn trả	25.685.500	115.424.000
Cộng	121.102.933.224	100.978.512.740
12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	43.363.682	555.068.577
Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.749.094.614	506.851.528
Thuế thu nhập cá nhân	88.068.273	1.395.566
Cộng	2.880.526.569	1.063.315.671
Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.		
13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	73.665.602	46.401.667

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

Bảo hiểm xã hội	69.190.715	17.774.700
Doanh thu chưa thực hiện	431.367.056	-
Phải trả, phải nộp khác	50.807.000	91.822.273
Cộng	625.030.373	155.998.640
14. Vay và nợ dài hạn	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Vay dài hạn	12.175.401.350	-
Ngân hàng CPTM Quân Đội	828.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng Hải	11.347.401.350	11.551.591.350
Cộng	12.175.401.350	11.551.591.350
15. Vốn chủ sở hữu		
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu		Đơn vị tính: VND
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối
Số dư tại ngày 01/01/2007	19.000.000.000	616.294.015
Tăng vốn trong năm trước	19.000.000.000	-
Lãi trong năm trước	-	1.275.819.926
Tăng khác	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-
Giảm khác	-	112.185.121
Số dư tại ngày 31/12/2007	38.000.000.000	1.779.928.820
Tăng vốn trong năm nay	7.990.000.000	-
Lãi trong năm nay	-	5.778.913.849
Tăng khác	-	192.532.135
Giảm vốn trong năm nay	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-
Giảm khác	-	1.800.000.000
Số dư tại ngày 30/06/2008	45.990.000.000	5.951.374.804
b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	30/06/2008	01/01/2008
	VND	VND
Trần Anh Vương	21.730.000.000	19.000.000.000
Vũ Hữu Trí	20.000.000.000	19.000.000.000
Tạ Thu Hằng	1.300.000.000	-
Nguyễn Hữu Bảo	1.260.000.000	-
Phạm Cường	1.700.000.000	-
Cộng	45.990.000.000	38.000.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND	Năm 2007 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	45.990.000.000	38.000.000.000
Vốn góp đầu năm	38.000.000.000	19.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	7.990.000.000	19.000.000.000
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp cuối năm	45.990.000.000	38.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

16.	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
	Doanh thu hoạt động bán hàng hóa	231.493.409.769
	Cộng	231.493.409.769
17.	Các khoản giảm trừ doanh thu	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
	Chiết khấu thương mại	9.463.948
	Cộng	9.463.948
18.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
	Doanh thu hoạt động bán hàng hóa	231.483.945.821
	Cộng	231.483.945.821
19.	Giá vốn hàng bán	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
	Giá vốn hàng hóa đã xuất bán	205.398.879.141
	Cộng	205.398.879.141

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

từ 01/01/2008 đến 30/06/2008

(tiếp theo)

20.	Doanh thu hoạt động tài chính	từ 01/01/2008 đến 30/06/2008 VND
	Lãi tiền gửi, tiền cho vay	437.232.635
	Cộng	437.232.635
21.	Chi phí tài chính	từ 01/01/2007 đến 30/06/2007 VND
	Chi phí lãi vay	8.278.702.187
	Cộng	8.278.702.187

VIII. Những thông tin khác**1. Thông tin so sánh**

Do đây là kỳ đầu tiên Công ty TNHH Thép Bắc Việt hợp nhất nên không có số đầu kỳ.

Người lập



Nguyễn Thị Thông

Kế toán trưởng



Tạ Thu Hằng

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2009
CÔNG TY TNHH THÉP BẮC VIỆT

Trần Anh Vương
